

QUAN HỆ THƯƠNG MẠI CỦA MALACCA VỚI TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 1400-1511

PHẠM VĂN THỦY*

Giai đoạn 1400-1511 có ý nghĩa đặc biệt đối với vương quốc cảng Malacca. Giai đoạn này được bắt đầu từ khi Malacca thành lập cho tới khi Bồ Đào Nha xâm chiếm quốc gia này. Tuy chỉ tồn tại độc lập trong 111 năm, nhưng Malacca đã có vị trí quan trọng trong hoạt động thương mại không những của Đông Nam Á mà còn có ý nghĩa đối với nền thương mại quốc tế. Do nằm ở vị trí địa lý quan trọng trên eo biển Malacca, trong bối cảnh quốc tế và khu vực có nhiều thuận lợi cho hoạt động thương mại và sự lãnh đạo sáng suốt của các Hội vương mà Malacca đã trở thành một trong những thương cảng quan trọng bậc nhất Đông Nam Á vào "Kỷ nguyên thương mại" (*The Age of Commerce*)⁽¹⁾. Có thể coi Malacca là "Trung tâm liên thế giới", hay là một trạm trung chuyển hàng hoá (*Entrepôt*), nối liền thị trường Đông Nam Á với Đông Bắc Á và Tây Nam Á.

Quan hệ buôn bán giữa Malacca và Trung Quốc trong thế kỷ XV-XVI chủ yếu thông qua hai hình thức: Thứ nhất, qua các hoạt động triều cống; và thứ hai

qua hoạt động "bất hợp pháp" của tư thương.

Hoạt động "Thương mại triều cống" là hình thức thương mại diễn ra chủ yếu trong các nhà nước phong kiến phương Đông. Hình thức này không chỉ được áp dụng trong mối quan hệ giữa "nước lớn" đối với "nước nhỏ" (trường hợp Trung Quốc đối với các nước Đông Bắc Á và Đông Nam Á), mà nhiều khi nó còn diễn ra giữa những nước không có, hoặc ít ảnh hưởng với nhau về chính trị (trường hợp Ryukyu đối với các nước Đông Nam Á, quan hệ giữa các nước Đông Nam Á với nhau, giữa triều đình Trung Quốc với các nước Nam Á xa xôi).

Hoạt động thương mại triều cống giữa Malacca và triều đình Trung Quốc diễn ra từ khi Malacca được thành lập cho tới khi vương quốc này bị người Bồ Đào Nha xâm lược vào 1511. Trên danh nghĩa, những vật phẩm mà triều đình Trung Quốc nhận được là "cống vật" (*tribute*) và những thứ mà nhà vua tặng lại là "quà tặng" (*present*). Tuy nhiên, khi mà những hoạt động này diễn ra thường xuyên và với số lượng lớn các vật

* Phạm Văn Thủy, Khoa Lịch sử, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

phẩm có giá trị thương mại thì nó đã hàm nghĩa với hoạt động trao đổi. Những vật phẩm được đem ra trao đổi có thể hiểu như là hàng hoá.

Ngay sau khi thành lập, nhà Minh đã thi hành chính sách “hải cấm”, chủ trương “thốn bất hạ hải” (một tác gỗ cũng không được hạ thủy). Nội dung của chính sách “hải cấm” là “cấm các thuyền bè tư nhân đi ra nước ngoài và hoạt động ngoại thương chỉ dành cho các đội thuyền của Hoàng đế và những nước tới Trung Quốc dưới hình thức các sứ bộ đến triều cống”⁽²⁾. Mục đích của chính sách này là muốn độc quyền hoạt động ngoại thương, củng cố sức mạnh trong nước, ngăn cản những nguy cơ bên ngoài có thể làm tổn hại tới sức mạnh của chính quyền trung ương. Tuy nhiên, để “bù lấp vào sự thiếu hụt các sản phẩm tiêu dùng cần thiết vốn vẫn phải nhập khẩu từ bên ngoài đồng thời để tỏ rõ uy lực của “thiên triều” nhà Minh yêu cầu nhiều nước láng giềng châu Á thực hiện chế độ cống nạp”⁽³⁾. Yêu cầu đó không dễ gì được chấp nhận, nhất là đối với các quốc gia đã từng nhiều lần đánh bại các cuộc xâm lược của phong kiến Trung Quốc.

Nhằm phô trương sự giàu có của mình, lôi kéo các dân tộc phương Nam thần thuộc nhà Minh, Minh Thành Tổ thường xuyên cử các phái đoàn ngoại giao đến các khu vực này. Quy mô nhất là những chuyến đi biển do Trịnh Hoà dẫn đầu đoàn thám hiểm đến các nước phía Nam kéo dài từ 1405 đến 1433. Trong những quốc gia mà phái đoàn ngoại giao Trung Quốc đi qua, Malacca được nhà Minh đặc biệt chú ý. *Mục đích muốn nắm lấy Malacca của nhà Minh là nhằm biến nơi đây làm căn cứ để mở*

rộng ảnh hưởng xuống phía nam, ngăn chặn những ảnh hưởng của Ấn Độ và các thế lực phương tây qua eo biển Malacca; đồng thời là nơi cung cấp hàng hoá của Đông Nam Á và Tây Nam Á cho thị trường Trung Quốc. Chính vì thế, khi Malacca vừa thành lập vào khoảng 1400 thì ngay sau đó, năm 1403 nhà Minh đã cử Doãn Khánh đi sứ để thần phục vương quốc này. Tiếp sau đó là hàng loạt các phái đoàn của nhà Minh được cử tới Malacca để thắt chặt quan hệ, trong đó đặc biệt là phái đoàn của Trịnh Hoà trong suốt thời gian từ 1405 đến 1433.

Malacca cũng có những tính toán riêng của mình. Khi thần thuộc Trung Quốc, Malacca hướng đến rất nhiều mục đích. Các quốc gia Đông Nam Á sau sự kiện quân Mông Cổ tràn xuống phía nam đe dọa nên độc lập của nhiều quốc gia đã sớm hiểu được sức mạnh thực sự của Trung Quốc nên muốn dựa vào thế lực của Trung Quốc để bảo hộ cho mình. Đồng thời, Trung Quốc là một thị trường rộng lớn, người Hoa là những thương nhân giàu kinh nghiệm và đóng vai trò quan trọng trong hoạt động thương mại của Đông Nam Á, nên việc thiết lập quan hệ tốt đẹp với Trung Quốc có lợi cả về kinh tế và chính trị. Riêng với Malacca, việc thiết lập quan hệ tốt với Trung Quốc có ý nghĩa đặc biệt quan trọng hơn khi vương quốc này luôn nằm trong sự đe dọa của hai đế chế lớn là Majapahit và Ayuthaya. Dù sao, khoảng cách về địa lý làm cho sự lệ thuộc vào Trung Quốc sẽ ít hơn rất nhiều so với lệ thuộc vào hai đế chế lớn láng giềng. Minh Sử cho chúng ta biết rằng, vào 1419, 1431 quốc vương Malacca sai sứ giả tới triều đình Trung

Quốc tổ cáo Tiêm La (Siam) “xâm lấn nước họ” và yêu cầu được giúp đỡ. Mỗi lần như thế nhà Minh đều có quốc thư yêu cầu Siam phải “hoà mục với láng giềng, không được trái mệnh triều đình”. Thậm chí nhà Minh còn cử đội quân của Trịnh Hoà tới Malacca có ý ngăn chặn các cuộc tấn công của Siam vào Malacca⁽⁴⁾. Trên thực tế, nhờ quan hệ thân thuộc với Trung Quốc mà Malacca “đã bảo vệ Malacca trong nhiều thập kỷ”⁽⁵⁾. Xét về thực chất, *thông qua mối quan hệ này cả hai nước đều có lợi nên đã duy trì quan hệ này trong hơn một thế kỷ.*

Ngay sau khi lên làm vua, Paramesvara đã kêu gọi sự giúp đỡ của nhà Minh. Lúc này triều Minh đang thi hành chính sách ngoại giao “cận công, viễn giao” nên năm 1403 phái đoàn ngoại giao của nhà Minh do Doãn Khánh dẫn đầu đã lên đường tới Malacca. Theo *Minh sử*, thì lúc này nhà nước Malacca chưa được thành lập, bản thân Paramesvara cũng chỉ là một thủ lĩnh địa phương. Chỉ tới năm 1405, khi phái đoàn triều cống của Malacca theo Doãn Khánh trở lại triều đình nhà Minh và được hoàng đế Minh phong là “Mãn-lạt-gia (Malacca) quốc vương” thì khi ấy vương quốc Malacca mới chính thức ra đời. Thông tin trên dù còn có

nhiều nghi ngờ, nhưng cũng cho ta niên đại tương đối về thời gian thành lập vương quốc Malacca khoảng sau 1400. Quan hệ giữa Malacca và Trung Quốc vì thế sớm nhất cũng phải sau năm 1403.

Từ Malacca tới Trung Quốc theo đường biển nếu thuận gió phải mất 2 tháng 8 ngày. Tuy nhiên, để tránh hoạt động của gió mùa vừa đi vừa về phải mất 2 năm. Chính vì thế, dù sau khi nhận được sắc phong của vua Minh, Paramesvara “rất mừng” liền cử sứ giả theo Doãn Khánh trở lại kinh sư nhưng phải tới năm 1405 phái đoàn đó mới tới được Nam Kinh. Nhiệm vụ của phái đoàn lần này là xin được sắc phong của nhà Minh để cho Malacca được “đứng ngang hàng với các quận của Trung Quốc” và “hàng năm nộp cống phẩm”. Tất nhiên lời đề nghị đó đã được chấp nhận. Hoàng đế Vĩnh Lạc chấp nhận phong cho Paramesvara là “Mãn-lạt-gia (Malacca) quốc vương, ban ấn, lụa màu, áo xiêm, lọng vàng”⁽⁶⁾ và lại cử sứ đoàn trở lại Malacca. Từ đó trở về sau, hàng năm Malacca đều sai sứ thần đến cống. Theo tính toán của Anthony Reid từ năm 1400 tới 1510 có tất cả 31 phái đoàn cống phẩm của Malacca tới triều đình nhà Minh. Số lượng các phái đoàn Malacca tới Trung Quốc chỉ đứng sau Champa (59), Siam (48) và Java (50).

Bảng thống kê các phái đoàn cống phẩm của Đông Nam Á tới Trung Quốc từ 1400 đến 1510⁽⁷⁾

Từ Năm	Java	Pasai	Siam	Champa	Campuchia	Pahang	Malacca	Brunei	Philipin
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1400-09	8	3	11	5	4		3	3	2
1410-19	6	7	6	9	3	3	8	4	2
1420-29	16	5	10	9			5	2	5

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1430-39	5	3	4	10			3		
1440-49	7		3	9			2		
1450-59	3		2	3			3		
1460-69	3	1	1	4			2		
1470-79			4	3			1		
1480-89		3	3	3			0		
1490-99	2		3	3			0		
1500-10			1	2			2		

Những đồ cống phẩm mà phái đoàn triều cống Malacca đem tới triều đình Trung Quốc chủ yếu là đồ mã và sản vật địa phương như: mũ mào, trăn châu, đồi mồi, san hô, hạc đính, kim mầu, tổn phục, vải bạch tất, vượn đen, ngựa, hươu trắng, gà lửa, chim vẹt, phiến não, vải phương tây, tê giác, ngà voi, gấu đen, vượn đen, hươu trắng, nước tường vi, dầu tô hạp, chi tử hoa, ô gia nê, kim ngân hương, trầm hương, a nguy... Đây cũng là những hàng hoá vốn rất quý hiếm và có giá trị thương mại cao trên thị trường Trung Quốc lúc bấy giờ.

Khi tới triều đình Trung Quốc, phái đoàn của Malacca thường có rất nhiều người, có khi lên tới hơn 450 người (năm 1411) gồm vua quan và cả các phi tần. Theo thông lệ tất cả các thành viên của phái đoàn đều được hậu đãi. Ngoài việc được phục vụ rất chu đáo, trong suốt thời gian ở triều đình Trung Quốc, khi về họ còn được tặng rất nhiều vật phẩm.

Trong hoạt động thương mại triều cống, không phải chỉ có riêng Malacca được lợi. Nhà Minh có quan hệ với hầu khắp các vương quốc phía nam như Siam, các quốc gia ở Java, trên quần đảo Indônêxia... vì thế các quốc gia này cũng vẫn muốn duy trì mối quan hệ triều cống đó. Nếu để cho hoạt động

thương mại triều cống tự do phát triển sẽ dẫn tới nguy cơ phá vỡ những nguyên tắc của chính sách "đóng cửa". Chính vì thế trong giai đoạn 1443 - 1453, triều đình Trung Quốc đã thi hành chính sách hạn chế cống nạp của các nước trên quần đảo Java, tuy nhiên Siam và Malacca vẫn được khuyến khích ở mức độ cao. Điều này chứng tỏ sự ưu ái, đặc biệt của nhà Minh đối với Malacca. Và "chính sự giúp đỡ này đã giúp cho Malacca thay thế Java như là những trung tâm chung chuyển hàng hoá truyền thống trong hoạt động thương mại của Đông Nam Á đối với Trung Quốc⁽⁸⁾.

Cần phải nhấn mạnh rằng quà tặng của nhà Minh dành cho Malacca là những hàng hoá có giá trị thương mại cao trên thị trường thời bấy giờ. Những sản phẩm như tơ lụa (áo rộng, chăn đệm, đai ngọc, gấm vóc, the, vóc vân thêu vàng); kim loại và đá quý (các đồ dùng bằng vàng, bạc, đai ngọc, nghi trượng, ngựa, đai ngọc) và thậm chí cả tiền mặt (tiền đồng, tiền giấy, tiền bạc, vàng) là những thứ rất xa xỉ chỉ có quan lại và vua chúa mới có điều kiện tiêu dùng. Vì những đồ ban tặng đó số lượng nhiều, nên có thể sau khi rời khỏi Trung Quốc chúng trở thành những mặt

hàng được buôn bán trên thị trường. Như vậy, thông qua hoạt động triều cống với Trung Quốc, Malacca đã thực hiện việc trao đổi hàng hoá với nước này. Mặt khác, khi những đồ cống tặng được trao đổi trên thị trường thì Malacca cũng đã thực hiện quan hệ buôn bán với các nước khác.

Hoạt động trao đổi hàng hoá qua hình thức cống tặng thể hiện rõ rệt hơn khi các phái đoàn ngoại giao của Trung Quốc tới Malacca.

Như đã nói, nhà Minh để khuyếch trương sự giàu có của mình, lôi kéo các dân tộc phương nam thân phục đã nhiều lần cử phái đoàn ngoại giao của mình tới Đông Nam Á. Trong những chuyến du hành của các phái đoàn ngoại giao của nhà Minh tới Đông Nam Á thường đem theo rất nhiều tặng phẩm có giá trị. Những tặng phẩm này được trao cho chính quyền những quốc gia cần chiêu dụ. Sau đó, phái đoàn nhà Minh cũng nhận lại được những quà tặng trên danh nghĩa là đồ cống tặng. Điều đặc biệt là phái đoàn này thường yêu cầu chính quyền sở tại phải gửi phái đoàn cống phẩm tới triều đình Trung Hoa. Nếu không tuân theo sẽ bị khuất phục bởi vũ lực, trường hợp quốc vương của Ceylan và Sumatra là ví dụ điển hình nhất.

Nếu chúng ta coi những hoạt động thương mại giữa triều đình Malacca và Trung Quốc là hoạt động “thương mại quan phương” thì cũng thấy rằng quan hệ thương mại này tồn tại *dưới hai hình thức, qua hai thị trường và mang hai ý nghĩa*. Hình thức ở đây là “cống” (tribute) và “tặng” (present). Tại Trung Quốc, khi phái đoàn triều cống của Malacca tới và dâng quà cho hoàng đế

Trung Hoa đã diễn ra quá trình trao đổi: Malacca triều cống và Trung Quốc ban tặng. Khi phái bộ Trung Quốc tới Malacca nguyên tắc ngoại giao đó cũng không thay đổi. Các hoạt động trao đổi này vừa có ý nghĩa chính trị vừa là nhằm đến mục đích kinh tế. Do tầm quan trọng của hệ thống trao đổi này mà trong nhiều thập kỷ Malacca và Trung Quốc vẫn duy trì nó. Quan hệ về mặt triều chính giữa Malacca và Trung Quốc chỉ thực sự chấm dứt khi Bồ Đào Nha chiếm Malacca vào 1511. Từ đây, quan hệ thương mại giữa Malacca và triều đình Trung Quốc mang tính trực diện hơn, nhất là sau khi nhà Minh dỡ bỏ lệnh “cấm hải” vào 1567. Tuy nhiên, đó lại là vấn đề của giai đoạn sau.

Một hình thức thương mại nữa diễn ra trong quan hệ của Malacca với Trung Quốc là hoạt động tư thương. Như đã nói ở trên, nhà Minh sau khi lên cầm quyền đã thi hành chính sách “đóng cửa” cấm tư thương không được buôn bán với bên ngoài. Ngoại thương lúc này do nhà nước độc quyền nắm giữ. Nhưng, như thế không có nghĩa là quan hệ tư thương với bên ngoài bị ngăn chặn triệt để. Mục đích của chính sách “đóng cửa” này là muốn nắm độc quyền ngành thương mại hàng hải vốn nằm trong tay các thương nhân người Hoa, củng cố quyền lực của vương triều. Tuy nhiên, “những con thuyền từ Trung Quốc tới Đông Nam Á vẫn tiếp tục tăng trong thế kỷ XV”⁽⁹⁾. Trong các đoàn thuyền đó có những đoàn thuyền nằm trong hoạt động ngoại giao của triều đình Trung Quốc, nhưng cũng có rất nhiều thuyền là của các thương nhân. Ta biết rằng, không phải chỉ đến thời nhà Minh, Trung Quốc mới thực thi chính sách

“đóng cửa” hạn chế quan hệ thương mại với bên ngoài. Trong các triều đại Tống, Đường Trung Quốc cũng thi hành những chính sách đó. Tuy nhiên, trong lịch sử, từ lâu, Trung Quốc đã trở thành thị trường lớn nhất cho các hàng hoá của Đông Nam Á. Những sản phẩm của Đông Nam Á như hương liệu, gia vị (hồ tiêu, trầm hương, quế, nhục đậu khấu, đinh hương,...); lâm thổ sản (gỗ quý, da hưu, ngà voi, chim cảnh...); kim loại (thiếc; bạc, chì)... đã rất phổ biến trên thị trường Trung Quốc. Các thương nhân Triều Tiên, Nhật Bản, Ruykyu, muốn mua hàng hoá của Đông Nam Á chỉ cần tới Trung Quốc là có thể mua được. Thế nhưng, trong chính sử, những ghi chép về đồ cống sứ không phải là những mặt hàng đó, mà chỉ là những đặc sản của địa phương vốn chỉ thích hợp với hoàng gia. Điều này có thể cho phép chúng ta đặt ra giả thuyết rằng, nhiều loại hàng hoá của Đông Nam Á tới được Trung Quốc là nhờ vào mối quan hệ thương mại. Đến thế kỷ XV, dưới triều Minh, vì nhiều nguyên nhân những hoạt động tư thương vẫn diễn ra.

Trước hết là do tính không triệt để từ lệnh cấm của triều đình. Mục đích của chính sách “đóng cửa” là muốn ngăn chặn hoạt động tư thương vốn nằm trong tay người Hoa. Nhà Minh cũng để ngỏ khả năng cho phép các thương nhân của các quốc gia triều cống đến buôn bán. Chính vì thế, đi theo các phái đoàn triều cống là những thương nhân. Hoặc thậm chí chính các sứ thần, quan lại đi triều cống lại là các tư thương. Khi đến triều đình Nam Kinh, thương nhân ở lại các bến cảng Phúc Kiến, Quảng Châu, Macao còn sứ thần vào yết kiến Hoàng đế.

Một lý do nữa cũng rất đáng lưu ý, đó là nạn tham nhũng của quan lại ở các bến cảng. Chính sự quản lý lỏng lẻo của chính quyền Trung ương đối với các bến cảng là điều kiện để cho nạn tham nhũng hoành hành. Ở các cảng, giới quan chức đã để cho các thương nhân tự do hoạt động buôn bán, thậm chí chính họ cũng là những thương nhân. Trong thời gian đầu (1374-1400) các cảng Triết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông bị đóng cửa, nhưng tới năm 1403 thì chúng được mở trở lại. Khi nhà Minh chuyển đô từ Nam Kinh tới Bắc Kinh vào năm 1421 để chống lại sự đe dọa của Mông Cổ từ phía bắc có hiệu quả hơn làm cho “chính sách đối với phương Nam của Trung Quốc hoàn toàn thụ động”⁽¹⁰⁾. Dưới thời Vĩnh Lạc (1360-1424), một số nguyên tắc trong chính sách “đóng cửa” đã được nói lỏng. Cho tới thế kỷ XVI, chính sách “đóng cửa” chỉ còn là hình thức. Thực tế, thương nhân cả người Hoa và Đông Nam Á đã vượt qua những ràng buộc của chính sách này. Thương cảng Malacca vì thế càng trở nên nhộn nhịp hơn trong hoạt động thương mại với Trung Quốc. Tư thương có thể cho thuyền từ Quảng Châu đến Malacca theo con đường biển Champa và Siam. Khi binh đoàn của Albuquerque đến Malacca năm 1511 đã thấy 5 thuyền Trung Quốc đậu ở cửa ra vào của thương cảng Malacca⁽¹¹⁾. Những thương thuyền đó chắc chắn là của Hoa thương vì thời gian này Trung Quốc không còn cử các phái đoàn ngoại giao tới Đông Nam Á nữa.

Các thương nhân Trung Quốc cũng đem hàng của nước mình tới Malacca để trao đổi buôn bán. Những hàng của Trung Quốc trong thế kỷ XV-XVI chủ

yếu là nguyên liệu như đồng, thép; hay các sản phẩm thủ công như ấm gang, bát, chậu, kim khâu, vòng tay, hộp đựng trang sức, quạt... Khi Pires ở Malacca năm 1510, ông đã miêu tả sự phong phú của kim loại Trung Quốc tại Malacca “đồng, sắt...những chậu, vại (*vessels*) lớn bằng đồng và số lượng lớn những thứ như ấm sắt, bát, chậu; cùng với những thứ khác như hộp, quạt, mỗi thứ có hàng trăm loại, một số chiếc trong chúng rất đẹp và rất tốt... một số khác chất lượng kém”⁽¹²⁾. Những hàng hoá này không có trong danh sách các đồ cống tặng vì thế chúng ta có thể hiểu đó là những hàng hoá được đem đến bởi các tư thương. Sau khi đem hàng tới Malacca, Hoa thương thường đem về Trung Quốc hương liệu, gia vị, vải vóc Ấn Độ, thuỷ tinh Arab, và những hàng lâm thổ sản khác. Chúng ta không có một số liệu cụ thể nào về số lượng các thuyền Trung Quốc xuất dương “bất hợp pháp” nhưng rõ ràng không thể phủ nhận rằng có hoạt động tư thương diễn ra trong suốt thế kỷ XV-XVI.

Những phân tích trên cho ta thấy phần nào quan hệ thương mại giữa Trung Quốc và Malacca từ thế kỷ XV cho tới 1511. Mặc dù bị rất nhiều hạn chế do chính sách “đóng cửa” của triều đình nhà Minh, nhưng rõ ràng hoạt động thương mại giữa Trung Quốc và các quốc gia Đông Nam Á vẫn diễn ra ở cường độ cao. Những quan hệ thương mại này không diễn ra dàn trải đối với nhiều quốc gia mà chủ yếu tập trung vào một số trung tâm lớn. Trong những trung tâm đó, Malacca được đặc biệt coi trọng. Quan hệ thương mại của nhà Minh với Malacca và các quốc gia Đông Nam Á chủ yếu được thiết lập dựa trên

mối quan hệ triều cống. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là triệt tiêu hoạt động của tư thương. Đặc biệt từ sau năm 1430, khi nhà Minh nổi lỏng chính sách “đóng cửa”, những thương cảng phía nam Trung Quốc trở nên quen thuộc hơn không chỉ với các Hoa thương mà cả với thương nhân Đông Nam Á.

Hoạt động thương mại của Malacca với Trung Quốc có thể chia thành hai giai đoạn lớn: trước và sau những năm 1430. Trước những năm 1430, khi vị thế của Malacca còn yếu so với các đế chế khác trong khu vực, Malacca phải thần phục nhà Minh để củng cố sức mạnh quốc gia để bảo vệ mình, đồng thời phát huy ảnh hưởng. Trong thời kỳ này, chính sách đóng cửa của nhà Minh còn được thực hiện khá triệt để nên rất cần những hàng cống phẩm từ phía nam nên đã sử dụng Malacca để cung cấp hàng hoá. Từ sau 1430, đặc biệt là từ khi đoàn thám hiểm của Trịnh Hoà bị cấm xuất dương và nhà Minh không cử những hạm đội lớn như thế nữa xuống phía nam, quan hệ của Malacca và Trung Quốc có giảm đi. Lúc này, hoạt động tư thương ở Trung Quốc đã diễn ra phổ biến hơn nên có thể bù lấp một phần những thiếu hụt về hàng hoá tại thị trường Trung Quốc. Hơn nữa, từ sau những năm 1430, Malacca đã trở thành một trong những đế chế mạnh nhất ở Đông Nam Á có thể cạnh tranh với Majapahit và Ayuthaya nên sự lệ thuộc vào Trung Quốc không lớn như trước nữa, vì thế quan hệ thương mại cũng suy giảm. Trên thực tế, càng về sau, quan hệ của Malacca càng gắn bó mật thiết với các quốc gia Đông Nam Á và các nước ở vùng Tây và Nam Á.

Quan hệ thương mại của Malacca với Trung Quốc chỉ là một phần trong tổng thể quan hệ thương mại của cảng thị Malacca. Qua đây cũng phản ánh phần nào vai trò trung gian trung chuyển hàng hoá của Malacca. Nhìn chung, vương quốc này không tự sản xuất được những mặt hàng có giá trị thương mại cao, nhưng nhờ vị trí thuận lợi trong hoạt động giao thương nó đã đóng vai trò là trung gian trung chuyển hàng hoá cho các thị trường lớn trên thế giới lúc bấy giờ. Thông qua quan hệ với Malacca, Trung Quốc đã khắc phục được phần nào những khan hiếm về hàng hoá và thoả mãn được một phần những tham vọng chính trị. Còn Malacca, nhờ quan hệ với Trung Quốc mà không những giữ được độc lập mà còn trở nên hùng mạnh. Hơn nữa, thông qua quan hệ này, Malacca đã góp phần trung chuyển những hàng hoá của thế giới Đông Bắc Á tới các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á và sang Tây và Nam Á. Với ý nghĩa đó Malacca đã đóng vai trò là một “*Trung tâm liên thế giới*” của Đông Nam Á.

CHÚ THÍCH

1. Theo Anthony Reid thì “Kỷ nguyên thương mại” của Đông Nam Á là vào thế kỷ XV-XVII. Kỷ nguyên này được bắt đầu từ 1400 và lên đến đỉnh cao vào giai đoạn 1450-1680. Xem: Anthony Reid: *Southeast Asia in the Age of Commerce 1450-1680, Vol. I “The lands below the wind”* Yale University Press, London, 1989, p. I-III.
2. Shigeru Ikuta: *Vai trò của các cảng thị ở vùng ven biển Đông Nam Á từ đầu thế kỷ II Tr.Cn đến thế kỷ XIX*. Trong *Đô thị cổ Hội An*, Nxb KHXH, H.1991, tr. 253.
3. Nguyễn Văn Kim: *Quan hệ của Nhật Bản với các nước Đông Nam Á thế kỷ XV-XVII*, Nxb Đại Học Quốc Gia Hà Nội, H. 2003, tr. 65.
4. *Minh Sử quyển 325 phần Mãn Lạt Gia (sách dịch)*, Tài liệu Khoa Lịch sử, Trường ĐHKHXH & NV, ĐHQGHN, tr.82.
5. Nicholas Tarling: *The Cambridge History of Southeast Asia, Vol I, part II*, Cambridge University Press, 1992, p. 227.
6. *Minh Sử quyển 325 phần Mãn Lạt gia (sách dịch)*, TLdd, tr. 80.
7. Anthony Reid: *Southeast Asia in the Age of Commerce 1450-1680, Vol. II “Expansion and Crisis”*, Yale University Press, London, 1993, p.16.
8. Anthony Reid: *Southeast Asia in the Age of Commerce 1450-1680, Vol. II “Expansion and Crisis”*, Yale University Press, London, 1993.
9. Anthony Reid: *Southeast Asia in the Age of Commerce 1450-1680, Voll II “Expansion and Crisis”*, Yale University Press, London, 1993, p.15.
10. Anthony Reid: *Southeast Asia in the Age of Commerce 1450-1680, Sdd*, p.15.
11. Anthony Reid: *Southeast Asia in the Age of Commerce 1450-1680, Sdd*, p.34.
12. SPAFA Final Report: *Consulative Workshop on Research on Maritime Shipping and Trade Network in Southeast Asia*, Bangkok, 1984, p. 257.